TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2026/DS-ST
Ngày: 06 - 5 - 2026
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Huỳnh Văn Hiệp
Ông Lê Văn Thanh
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1953. Địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1956. Địa chỉ: ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ.(có yêu cầu vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Trần Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2025 (BL01), biên bản ghi lời khai ngày 06/8/2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 06 tháng 05 năm 2022, bà N có cho vợ chồng ông K và bà B vay số tiền 180.500.000 (một trăm tám mươi triệu năm trăm ngàn đồng), vay không có lãi, mục đích vay là để trả tiền nợ hụi; vợ chồng ông K, bà B cam kết trước ngày 20/12/2022 (âm lịch) sẽ hoàn trả số tiền trên. Việc vay nợ có lập thành biên bản vào ngày 06/5/2022, có chữ ký của vợ chồng ông K, bà B ký xác nhận vào. Đến nay thời gian trôi qua đã lâu nhưng ông K bà B vẫn không thanh toán nợ như đã

cam kết dù bà N đã nhiều lần yêu cầu trả nợ. Bà B đã qua đời giữa năm 2023.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà N trình bày: Số tiền bà N cho bà B vay đó là tiền gạch nợ hụi giữa bà Đ với bà N và bà B qua lại với nhau, nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc ông Nguyễn Văn K phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền còn nợ là 180.500.000 (một trăm tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng), bà N không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/01/2026 (BL 30-31) được ông Nguyễn Văn K trình bày: Giữa ông K, bà B với bà N không có quan hệ bà con và ông K cũng không biết bà N là ai, từ khi vợ ông K là bà B chết vào năm 2023 không ai đến đòi nợ, đến năm 2025 thì bà N lại khởi kiện đòi nợ ông K, ông K không hề hay biết, còn biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ông K cũng không có ký tên vào. Qua yêu cầu khởi kiện của bà N buộc ông K trả số tiền còn nợ là 180.500.000 đồng thì ông K không đồng ý, vì khi bà B là vợ ông K còn sống không nghe bà B nói có nợ tiền bà N và từ trước đến nay bà N cũng chưa từng đến nhà ông K để đòi nợ.

Theo biên bản xác minh ngày 09/01/2026 đối với bà Trần Thị Ngọc Đ trình bày: Bà Đ là chủ hụi còn bà N với bà B là hụi viên, bà B có nợ tiền bà Đ 194.500.000 đồng, bà Đ có nợ bà N số tiền 194.500.000 đồng nên các bên có thỏa thuận với nhau lập hợp đồng gạch nợ vào ngày 20/02/2021 về việc chuyển tiền vay hụi là bà B sẽ thay bà Đ trả nợ cho bà N số tiền còn nợ là 194.500.000 đồng, các bên đã thống nhất và cùng ký tên vào. Sau đó bà Đ có đem hợp đồng gạch nợ nhờ Trưởng ban nhân dân ấp là ông Triệu Minh D ký xác nhận vào, sau đó bà B có trả cho bà N mỗi tháng 2.000.000 đồng, có tháng trả 4.000.000 đồng, tổng cộng bà B đã trả cho bà N được 14.000.000 đồng, bà Đ là người giao tiền lại cho bà N. Kể từ đó về sau thì hai bên bà N và bà Bạch T liên lạc với nhau thế nào thì bà Đ không biết, đến năm 2023 thì bà B chết, bà N có nhờ bà Đ gặp con bà B và con bà B có điện thoại nói với bà Đ để qua đám mẹ 100 ngày rồi tính trả thế nào, qua 100 ngày bà Đ có đi gặp con bà B hai lần thì con bà B nói không biết số nợ này. Do bà Đ đã gạch nợ với nhau xong nên giữa nợ bà N với bà B thì bà Đ không còn liên quan gì hết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp đòi lại tài sản tiền gạch nợ hụi".

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ

án và qua lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa đã có đầy đủ cơ sở để khẳng định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quyết định nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn K có yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc Đ vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày số tiền nguyên đơn đòi bị đơn là tiền gạch nợ hụi qua lại với nhau không phải tiền cho vay nên trước đây xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là chưa chính xác, nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp đòi lại tài sản tiền gạch nợ hụi" là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N với bị đơn ông Nguyễn Văn K là tranh chấp về đòi lại tài sản tiền gạch nợ hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã xác định được như sau:

[4.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo nguyên đơn trình bày vào ngày 20 tháng 02 năm 2021, giữa bà N, bà Đ và bà B thỏa thuận với nhau về việc gạch nợ tiền hụi từ bà B nợ tiền hụi bà Đ sang bà B nợ tiền hụi bà N số tiền 180.500.000 (một trăm tám mươi triệu năm trăm ngàn đồng), vợ chồng ông K, bà B cam kết trước ngày 20/12/2022 (âm lịch) sẽ hoàn trả số tiền trên. Đến năm 2023 thì bà B chết, nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn K phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền còn nợ là 180.500.000 (một trăm tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng), bà N không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: nguyên đơn cung cấp hợp đồng gạch nợ, bản xác nhận nợ (BL19) và cam kết trả nợ ngày 06/5/2022 (BL20).

Thấy rằng nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông K trả số tiền gạch hụi còn nợ 180.500.000 đồng, nhưng bị đơn không thừa nhận do từ trước đến nay bà N không có đến nhà để đòi nợ và ông K cũng không nghe vợ là bà B khi còn sống nói có nợ tiền bà N; bà B chết năm 2023 thì đến năm 2025 bà N khởi kiện đến

Tòa án để đòi nợ chứ cũng không có đến nhà gặp gia đình ông K để trao đổi yêu cầu trả số tiền này. Tại phiên tòa bà N cũng thừa nhận từ trước đến giờ bà N và ông K không biết mặt nhau, theo biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ thì ông K cũng không biết và không có ký tên vào mà nghĩa vụ chứng mình thuộc về nguyên đơn, nguyên đơn không chứng minh được, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Lời trình bày của bị đơn tại biên bản ghi lời khai ngày 09/01/2026 (BL30-31) bị đơn K không thừa nhận có nợ tiền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao dịch giữa bà N với bà B thì ông K không hề hay biết, khi các bên gạch nợ lập biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ thì ông K cũng không biết, đáng lẽ nguyên đơn bà N phải đến gặp chồng bà B là ông K để trao đổi và thỏa thuận thống nhất với nhau để cả hai vợ chồng ông K bà B cùng ký tên vào biên bản cam kết trả nợ vì thời điểm đó bà B và ông K là vợ chồng với nhau nhưng hợp đồng gạch nợ lại chỉ có bà N, bà B và bà Đ ký, còn biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ thì chỉ có bà N và bà B ký ký vào, tất cả các biên bản đều không có chữ ký của ông K.

Theo biên bản xác minh ngày 09/01/2026 được ông Triệu Minh D trình bày: Hợp đồng gạch nợ ngày 20/02/2021 là được bà B, bà N và bà Đ ký trước, sau đó bà Đ mới đem lại nhà nhờ ông D ký xác nhận vào, chứ ông D không có chứng kiến các bên ký trực tiếp.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Lời trình bày của bị đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí. Nhưng do nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, nguyên đơn bà N được miễn án phí.

[6] Xét thấy đề nghị của vị Kiểm sát viên là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 278, Điều 280 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K với số tiền yêu cầu là 180.500.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu 9.025.000 đồng (chín triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Do bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, nên bà N được miễn nộp án phí.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ (Phòng GĐTTKT&THA);
- VKSND khu vực 8- Cần Thơ;
- Đương sự;
- THADS TP Cần Thơ (Khu vực 8);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng